

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2200107297
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 158.631.330.000 đồng
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ
- Số điện thoại: (0299) 3820 943
- Số fax: (0299) 3820 286
- Website: www.soctrangwaco.vn
- Mã cổ phiếu: STW
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng, phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng thành Công ty cổ phần. Ngày 28/12/2017 Công ty tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập lần thứ nhất và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 17/08/2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước (mã ngành 3600); sản xuất nước uống đóng chai và đầu tư xây dựng các dự án cấp nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chính sách giá do Nhà nước quy định.

- Địa bàn kinh doanh: trung tâm các xã, phường thuộc thành phố Cần Thơ (thuộc tỉnh Sóc Trăng cũ) và các khu vực lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên;
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên.
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc: 03 thành viên;
 - + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
 - + Các phòng nghiệp vụ: Phòng Kế toán Tài vụ; Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Kế hoạch Vật tư; Phòng Kỹ thuật.
 - + Các Xí nghiệp cấp nước trực thuộc: Nguyễn Chí Thanh; An Nghiệp; Phú Lợi; Mỹ Xuyên; Thạnh Trị; Vĩnh Châu; Long Phú; Trần Đề; Mỹ Tú; Kế Sách; Ngã Năm; Đại Ngãi.
 - + Chi nhánh trực thuộc: Chi nhánh Xí nghiệp nước uống đóng chai Sotraco.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

- Tên công ty: **Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng**
- Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885.
- Vốn điều lệ: 41.600.000.000 (Bốn mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng)
- Cổ phần sở hữu: 1.206.400 cổ phần, chiếm 29% vốn điều lệ.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, ổn định đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn.
- Nâng cao chất lượng nước đạt các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, nâng cao tỷ lệ tái chế, tái sử dụng nước.
- Bảo vệ môi trường, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu.
- Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu;
- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị và chuyên môn.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, gia tăng sản lượng nước thương phẩm và doanh thu, phần đầu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, gia tăng lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông.
- Đảm bảo quyền lợi cổ đông, người lao động; bảo tồn và phát triển vốn chủ sở hữu.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng và yêu cầu về bảo vệ tài nguyên nước ngày càng cao, Công ty định hướng xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn theo hướng phát triển bền vững; từng bước chuyển đổi nguồn khai thác nước từ nước ngầm sang nguồn nước mặt, phù hợp với định hướng quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và giảm dần khai thác nước dưới đất.

Cần đổi nguồn vốn tự có và vay vốn các ngân hàng thương mại, tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và mở rộng các nhà máy nước, nâng cao công suất thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của người dân, các khu đô thị, khu công nghiệp và các khu vực phát triển mới. Đồng thời, từng bước cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ, xuống cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước đến các khu vực chưa được tiếp cận nguồn nước sạch.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý, hạn chế thất thoát, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên nước; tăng cường kiểm soát các tác động môi trường trong quá trình sản xuất và cung cấp nước sạch.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước từ nguồn đến mạng lưới phân phối theo các quy chuẩn hiện hành, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt tại các khu vực khó khăn; đồng hành cùng chính quyền địa phương trong việc phát triển hạ tầng cấp nước, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân.

5. Các rủi ro

- Nguồn nước thô có thể bị suy giảm về trữ lượng hoặc bị ô nhiễm do biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán hoặc các hoạt động sản xuất, sinh hoạt ở thượng nguồn, có thể ảnh hưởng đến quá trình xử lý và cung cấp nước sạch.

- Giá điện, xăng, dầu hóa chất và vật tư phục vụ sản xuất có thể biến động tăng, làm gia tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Sự thay đổi địa giới quản lý hành chính, các yếu tố kinh tế xã hội có thể làm ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng nước và doanh thu; thay đổi về cơ chế quản lý giá nước, chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực cấp nước, các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng nước có thể tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tình hình xung đột, căng thẳng địa chính trị, tác động của kinh tế thế giới, lạm phát toàn cầu và sự gián đoạn chuỗi cung ứng có thể ảnh hưởng đến tiến độ cung ứng thiết bị, vật tư phục vụ đầu tư, sửa chữa và nâng cấp hệ thống cấp nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- M³ nước thương phẩm: 23.438.315 m³, đạt tỷ lệ 96,7% so với kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 0,68% so với năm 2024.

- Tổng doanh thu: 228.937.531.006 đồng, đạt tỷ lệ 95,0% so với kế hoạch năm 2025, tăng trưởng 4,02% so với năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế: 21.415.423.286 đồng, đạt tỷ lệ 71,4% so với kế hoạch năm 2025, đạt 52,2% so với năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	7.900	0,049%
2	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1972	Kỹ sư Cấp thoát nước, Cử nhân Luật	3.893.768	24,546%
3	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	3.894.967	24,553%

11/9/2024/11

4	Trần Thanh Nhân	Phó Tổng Giám đốc	1976	Cử nhân Tin học	51.832	0,326%
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	1981	Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật	200	0,001%

- Những thay đổi trong ban điều hành

Ngày 05/3/2025 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Trần Thanh Nhân.

- Số lượng cán bộ, nhân viên (số liệu tính đến hết ngày 31/12/2025)

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	301	100%
- Trên đại học	06	2,0%
- Đại học, cao đẳng	141	46,8%
- Trung cấp	40	13,3%
- Trình độ Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	114	37,9%
II. Phân theo hợp đồng lao động	301	100%
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	296	98,34%
- Hợp đồng xác định thời hạn (dưới 36 tháng)	05	1,66%

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ ốm, nghỉ phép, khám sức khỏe định kỳ, trang cấp bảo hộ lao động, các chế độ lương, khen thưởng, tham quan, nghỉ mát và các phúc lợi khác... được thực hiện kịp thời, đầy đủ. Tiền lương bình quân người lao động năm 2025 là 14.104.938 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Stt	Tên dự án/ công trình
1	- Bể chứa nước sạch 500 m ³ Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3
2	- Bể lắng 500 m ³ Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3
3	- Cải tạo công nghệ, nâng cao chất lượng nước sạch Xí nghiệp Nguyễn Chí Thanh, công suất 3.000 m ³ /ngày đêm
4	- Cải tạo tuyến ống đường Quản lộ Phụng Hiệp
5	- Công nghệ, nâng cao chất lượng nước sạch Trạm cấp nước Phường 8
6	- Lắp đặt, đường ống công nghệ, nền đặt Bồn lọc áp lực, Bồn lọc trọng lực Nhà máy nước KCN An Nghiệp
7	- Đường ống công nghệ, nước thô và hệ thống điều khiển giếng Long Đức 2
8	- Giếng khoan khai thác nước dưới đất Hưng Lợi 1 (công suất 1.440 m ³ /ngày đêm)

9	- Giếng khoan khai thác nước dưới đất Hưng Lợi 2 (công suất 1.440 m ³ /ngày đêm)
10	- Giếng khoan khai thác VC9 (công suất 960 m ³ /ngày đêm)
11	- Giếng khoan thăm dò - Khai thác G7 Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3
12	- Giếng khoan thăm dò - Khai thác NN4 công suất 960 m ³ /ngày đêm Trạm cấp nước Ngã Năm
13	- Hệ thống ép bùn thải Xí nghiệp Nguyễn Chí Thanh
14	- Hệ thống ép bùn thải Xí nghiệp Phú Lợi
15	- Hệ thống quan trắc tự động khai thác nước ngầm, nước mặt Xí nghiệp Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, An Nghiệp
16	- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải rửa lọc Xí nghiệp Ngã Năm
17	- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa Xí nghiệp Nguyễn Chí Thanh
18	- Hồ lắng 204 m ³ , nhà lưu trữ chất thải nguy hại, công nghiệp thông thường Trạm Cao Thắng
19	- Mở rộng tuyến ống từ đường liên xã Nhơn Mỹ đến Huyện lộ 5 Kế Sách
20	- Nâng cấp, cải tạo đường dây hạ thế Xí nghiệp Nguyễn Chí Thanh
21	- Nâng cấp, cải tạo trạm biến áp, đường dây hạ thế cho Trạm Mỹ Xuyên 3
22	- Thiết bị xử lý nước ngầm công suất 100 m ³ /h tại Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3
23	- Tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu (gần KCN Trần Đề) từ Kênh 1 - cầu Ngan Rô, Trần Đề
24	- Tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu (Gần KCN Trần Đề), từ cổng KCN - Kênh 2 (nối vào D60), Trần Đề
25	- Trạm bơm cấp 2 Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3
26	- Tuyến ống cấp nước đường lộ thanh niên nối đường Đồng Khởi, P1, Vĩnh Châu
27	- Tuyến ống cấp nước đường Lưu Khánh Đức TP.Sóc Trăng
28	- Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 933C từ KM0+670 đến KM1+190 Long Phú
29	- Tuyến ống cấp nước hẻm Mé Sông, kênh Bà Xảm, ấp 3, thị trấn Long Phú
30	- Tuyến ống cấp nước quốc lộ NSH (đoạn nối liền xã Long Phú và xã Long Đức)
31	- Tuyến ống Hai Bà Trưng 4 vào đường Mé Sông 5, ấp Nam Chánh LHT
32	- Tuyến ống hẻm Bắc Ky nối dài đập Tiếp Nhật, Tài Văn, Cần Thơ
33	- Tuyến ống khóm Vĩnh An, phường 2 (phường Vĩnh Châu), Cần Thơ
34	- Tuyến ống từ cầu chữ Y đến đường Hùng Vương, Sóc Trăng

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Chưa nhận được báo cáo từ đơn vị liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2024 - 31/12/2024	Từ 01/01/2025 - 31/12/2025	% Tăng, giảm
- Tổng giá trị tài sản	307.259.567.099	275.686.646.448	-10,3%
- Doanh thu thuần	220.089.037.479	221.150.566.701	0,5%
- Lợi nhuận kinh doanh	60.218.930.826	43.590.321.989	-27,6%
- Lợi nhuận khác	1.844.286.442	-12.630.908.844	-784,9%
- Lợi nhuận trước thuế	62.06.3217.268	30.959.413.145	-50,1%
- Lợi nhuận sau thuế	41.019.732.951	21.412.556.752	-47,8%
- Tỷ lệ trả cổ tức	11,07%	(*)	-

(*) Tỷ lệ trả cổ tức năm 2025 sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2024 - 31/12/2024	Từ 01/01/2025 - 31/12/2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,2	3,4
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,8	2,9
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,2%	13,5%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	12,6%	15,6%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,2	7,8
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,7	0,8
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	18,6%	9,7%
	%	15,0%	9,0%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,4%	7,8%
	%	27,4%	19,7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

5. Cơ cấu cổ phần, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cơ cấu cổ phần

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ/điều lệ (%)
1. Tự do chuyển nhượng	15.758.201	157.582.010.000	99,34%

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ/điều lệ (%)
2. Hạn chế chuyển nhượng, trong đó:	104.932	1.049.320.000	0,66%
- Cổ phần do Công đoàn cơ sở sở hữu	7.932	79.320.000	0,05%
- Cổ phần do người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài	97.000	970.000.000	0,61%
Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

5.2. Cơ cấu cổ đông

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2025, cơ cấu cổ đông như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
I	Trong nước	15.863.133	158.631.330.000	100%
1	Cổ đông nhà nước nắm giữ	7.772.935	77.729.350.000	49,00%
2	Cổ đông tổ chức nắm giữ	3.811.145	38.111.450.000	24,025%
3	Cổ đông cá nhân nắm giữ	4.279.053	42.790.530.000	26,975%
II	Nước ngoài	0	0	0%
	Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

Stt	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)		7.772.935	49,00%
2	Nghiêm Thị Lệ Hằng	019197010040	2.617.152	16,5%
3	Công ty cổ phần VBIC Việt Nam	0108307727	3.803.213	23,98%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước và an sinh xã hội; thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác, sử dụng nguồn nước; xử lý nước thải, bùn thải; kiểm soát chất lượng nước cấp theo quy chuẩn hiện hành. Đồng thời, triển khai các giải pháp tiết kiệm tài nguyên, giám sát thoát nước và bảo vệ nguồn nước.

6.1. Tác động lên môi trường:

- a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước như: Clo (Clo bột 70%, Clo hạt 60%, Clo viên), PAC, cát lọc, hạt xốp,... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: gồm điện năng tiêu thụ trực tiếp là 11.258.223 kW

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: do công ty tự sản xuất và sử dụng cho các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày của người lao động.

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

- Quyết định số 06/QĐ-XPHC, ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính do không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với Nhà máy nước Sung Đình. Số tiền xử phạt là 300.000.000 đồng.

- Quyết định số 07/QĐ-XPHC, ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính do không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với Xí nghiệp cấp nước Trần Đề. Số tiền xử phạt là 300.000.000 đồng.

- Quyết định số 08/QĐ-XPHC, ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính do không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu. Số tiền xử phạt là 300.000.000 đồng.

- Quyết định số 09/QĐ-XPHC, ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính do không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị. Số tiền xử phạt là 300.000.000 đồng.

- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 1.200.000.000 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động 301 người, lương trung bình là 14.104.938 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ; công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định. Trong năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ phát hiện bệnh cho người lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp tại bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng, với tổng số tiền là 397.000.000 đồng, đề nghị cấp sổ theo dõi khám sức khỏe theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty đã cử Ban kiểm soát; Người phụ trách quản trị và Thư ký Công ty tham gia khóa học “Quản trị công ty” do Viện phát triển nguồn nhân lực và kinh doanh - Đại học Kinh tế TP.HCM tổ chức ngày 26, 27/6/2025. Ngoài ra, Công ty cử cán bộ, người lao động tham gia các buổi hội thảo do Chi hội cấp thoát nước miền Nam, Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức (với hình thức trực tiếp và trực tuyến); tham gia các lớp tập huấn nội bộ về quy trình vận hành, xử lý nước, hóa đơn điện tử...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn xác định việc cung cấp nước sạch ổn định, an toàn và liên tục cho người dân là nhiệm vụ quan trọng gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng và sự phát triển bền vững của địa phương. Trong thời gian qua, Công ty đã tập trung đầu tư, cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước nhằm nâng cao khả năng cung cấp nước sạch cho các khu dân cư, khu đô thị và các khu vực lân cận.

Trong năm 2025, Công ty cũng đã thực hiện tốt các công tác đóng góp từ thiện xã hội như: đóng góp quỹ “Vì người nghèo”, Hưởng ứng phong trào chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước; Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão số 10 - Bualoi,... và tham gia tốt các phong trào thi đua do địa phương phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sản lượng nước thương phẩm đạt 23.438.315m³, tương đương sản lượng thực hiện năm 2024 và đạt 96,7% so với kế hoạch năm 2025 là 24.250.000m³

- Tổng doanh thu đạt 228.937.531.006 đồng, giảm 5% so với thực hiện năm 2024 và đạt 95% so với kế hoạch năm 2025 là 241.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế đạt 21.415.423.286 đồng, giảm 47,8% so với năm 2024 và đạt 71,4% so với kế hoạch năm 2025 là 30.000.000.000 đồng

* Giải trình các chỉ tiêu thực hiện năm 2025.

a) Trong 6 tháng cuối năm 2025, sản lượng và doanh thu bị sụt giảm từ việc trụ sở các cơ quan hành chính cấp tỉnh chuyển địa bàn về thành phố Cần Thơ, đồng thời các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, nhà hàng, khách sạn cũng giảm sản lượng sử dụng. Từ đó, doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch bị ảnh hưởng, giảm nhiều.

b) Bên cạnh đó, các dự án công trình theo kế hoạch sẽ đầu tư nâng công suất tăng sản lượng theo đề xuất của công ty (tăng 20.000m³/ngày đêm) chưa được xem xét cấp

phép thực hiện nên chưa thể triển khai trong năm 2025 trong khi tình hình biến đổi khí hậu, khan hiếm nguồn nước trên địa bàn diễn ra nghiêm trọng. Từ đó, sản lượng đề ra từ đầu năm không đạt như mong muốn do thiếu nguồn nước khai thác cung cấp.

c) Các khoản chi phí liên quan đến đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp và xử lý nước như: tự động hóa trong quản lý vận hành, quan trắc chất lượng nước, chi phí khấu hao... tăng, nhằm đảm bảo chất lượng nước phục vụ và an toàn cấp nước trong dài hạn.

Với những nguyên nhân khách quan nêu trên đã dẫn đến việc các chỉ tiêu xây dựng từ đầu năm không đạt kế hoạch. Tuy nhiên, vẫn cố gắng duy trì đảm bảo có lợi nhuận và bảo tồn nguồn vốn chủ sở hữu.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2024-31/12/2024	Từ 01/01/2025-31/12/2025	Tỷ trọng 01/01/2024-31/12/2024	Tỷ trọng 01/01/2025-31/12/2025
- Tài sản ngắn hạn	141.751.884.297	124.480.267.310	46,1%	45,2%
- Tài sản dài hạn	165.507.682.802	151.206.379.138	53,9%	54,8%
Tổng tài sản	307.259.567.099	275.686.646.448	100%	100%

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2024-31/12/2024	Từ 01/01/2025-31/12/2025	Tỷ trọng 01/01/2024-31/12/2024	Tỷ trọng 01/01/2025-31/12/2025
- Nợ ngắn hạn	33.503.279.723	36.154.551.006	97,4%	97,4%
- Nợ dài hạn	898.189.370	981.189.370	2,6%	2,6%
Tổng nợ phải trả	34.401.469.093	37.135.740.376	100%	100%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua, Công ty tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc được sắp xếp, phân công nhiệm vụ rõ ràng, nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận và cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Song song đó, Công ty đã từng bước hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và bảo đảm hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong thời gian qua và theo dự báo sắp tới, tình hình khí hậu và hiện tượng xâm nhập mặn còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của người dân. Trước yêu cầu về điều kiện nguồn nước phục vụ cho các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và nhu cầu nước sạch sinh hoạt cho người dân trong giai đoạn sắp tới, HĐQT tiếp tục trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án cấp nước nhằm mục tiêu đảm bảo năng lực cung cấp nước sạch an toàn cho người dân trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

Cân đối nguồn vốn tự có và vay vốn các ngân hàng thương mại để triển khai thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp tại địa bàn kinh doanh.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua; duy trì đảm bảo có lợi nhuận và bảo tồn nguồn vốn của cổ đông.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Kiểm toán không có yêu cầu giải trình.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước khai thác.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Tập thể, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc lâu dài và xây dựng công ty ngày càng phát triển.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn xác định việc cung cấp nước sạch ổn định, an toàn và liên tục cho người dân là nhiệm vụ quan trọng gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng và sự phát triển bền vững của địa phương. Trong thời gian qua, Công ty đã tập trung đầu tư, cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước nhằm nâng cao khả năng cung cấp nước sạch cho các khu dân cư, khu đô thị và các khu vực lân cận, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thống nhất theo báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ Công ty, HĐQT đã giám sát đối với Ban TGD thông qua việc hàng tháng Ban TGD thực hiện chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt; đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban TGD gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

Cân đối nguồn vốn tự có và vay vốn các ngân hàng thương mại để triển khai thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp tại địa bàn kinh doanh.

Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phân đấu tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị (tính đến hết ngày 31/12/2025)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trần Anh Hòa	Chủ tịch HĐQT	7.300	0,046%	3.886.468	24,55%
2	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT	7.900	0,05%	0	0%
3	Ong Hải Phước	TV. HĐQT	8.500	0,054%	3.886.467	24,49%
4	Nguyễn Trọng Kiên	TV. HĐQT	0	0%	0	0%
5	Dương Ngô Hiệp	TV. HĐQT	0	0%	0	0%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không có thành lập các tiểu ban trực thuộc.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm Hội đồng quản trị đã ban hành 14 Nghị quyết, cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT	05/3/2025	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2024-2029 đối với ông Trần Thanh Nhân	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
2.	Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT	05/3/2025	Bổ nhiệm bổ sung thành viên Ban Thư ký Công ty đối với bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hồng	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
3.	Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT	05/3/2025	Kiện toàn Tổ Kiểm phiếu tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
4.	Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐQT	05/3/2025	Chấm dứt hoạt động của Phòng Kinh doanh	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
5.	Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐQT	06/3/2025	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
6.	Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐQT	04/4/2025	Gia hạn thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Trăng	gồm ông: Kiên, Hiệp.
7.	Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT	20/5/2025	Triển khai các nội dung được thông qua tại phiên họp Hội đồng quản trị ngày 20/5/2025	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
8.	Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT	13/6/2025	Phê duyệt Quỹ tiền lương Công ty năm 2025	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến gồm ông: Kiên, Hiệp.
9.	Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT	13/6/2025	Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến gồm ông: Kiên, Hiệp.
10.	Nghị quyết số 33/NQ-HĐQT	13/6/2025	Chấp thuận thỏa thuận sản lượng, đơn giá mua sỉ nước sạch	60% thông qua với: - Tán thành gồm ông: Hòa, Ngọ, Phước. - Không có ý kiến gồm ông: Kiên, Hiệp.
11.	Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT	10/9/2025	Triển khai các nội dung được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 10/9/2025	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
12.	Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT	10/9/2025	Ban hành Quy chế quản lý quỹ phúc lợi của Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
13.	Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT	10/9/2025	Ban hành Quy chế quản lý quỹ khen thưởng của Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua
14.	Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT	15/9/2025	Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông Công ty	100% thành viên HĐQT tham dự họp thông qua

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Công ty không có thành viên HĐQT độc lập.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị: Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị thông qua các buổi hội thảo do Chi hội cấp thoát nước miền Nam, Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ

chức với hình thức trực tiếp và trực tuyến. Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã chủ động tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức về quản trị công ty, pháp luật chứng khoán và thực tiễn quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hoài Bảo Khánh	Trưởng BKS	2.000	0,0126%	0	0%
2	Trần Thanh Nhân	TV BKS (đến ngày 21/01/2025)	43.900	0,277%	7.932	0,05%
3	Nguyễn Minh Phương	TV. BKS	637.301	4,02%	0	0%
4	Nguyễn Văn Ghíp	TV. BKS	5.000	0.031%	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- Tổ chức họp định kỳ BKS và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về chuẩn mực kế toán, luật thuế, đánh giá tính hợp lệ của các chứng từ kế toán phù hợp với các quy định của Công ty;

- Xem xét các báo cáo tài chính (BCTC) định kỳ theo quý, BCTC 6 tháng và BCTC năm hợp nhất của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT; góp ý với HDQT trong thẩm quyền của BKS;

- Giám sát hoạt động của HDQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận;

- Trưởng BKS đã tham gia khoá học “Quản trị công ty” do Viện phát triển nguồn nhân lực và kinh doanh – Đại học Kinh tế TP.HCM tổ chức ngày 26-27/06/2025.

- BKS nhiệm kỳ 2024-2029 đã tổ chức 02 cuộc họp BKS trong năm 2025, trong đó thành viên BKS Nguyễn Minh Phương vẫn không tham gia các hoạt động của BKS kể từ ngày bầu BKS theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2024 đến nay.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát.

a) Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Trần Anh Hòa	Chủ tịch HĐQT, Phó TGD	561.848.575	299.987.564	861.836.139
2	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT, Tổng Giám đốc	555.939.000	285.727.870	841.666.870
3	Ong Hải Phước	TV. HĐQT, Phó TGD	464.348.760	285.727.870	750.076.630
4	Dương Ngô Hiệp	TV. HĐQT	-	256.674.647	256.674.647
5	Nguyễn Trọng Kiên	TV. HĐQT	-	256.674.647	256.674.647

b) Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
1	Nguyễn Hoài Bảo Khánh	Trưởng BKS	-	323.376.988	323.376.988
2	Nguyễn Minh Phương	TV. BKS	-	138.263.226	138.263.226
3	Trần Thanh Nhân	TV. BKS	300.000.000	60.873.806	360.873.806
4	Nguyễn Văn Ghíp	TV. BKS	51.832.762	90.000.000	141.832.762

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Cổ phiếu	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Minh Phương	Thành viên Ban kiểm soát	801.401	5,05%	637.301	4,02%	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng	Mua nước sạch	15.451.991.550 đồng

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của công ty lập ngày 09/3/2026, được đăng tải trên website công ty và được công bố thông tin theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. Báo cáo này được lập và thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được làm cơ sở áp dụng.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, Ban TGD;
- CBTT;
- Lưu: VT, HS.CBTT. 

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỨC TỊCH HĐQT**



Trần Anh Hòa